

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
QUẬN N
THÀNH PHỐ C**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 03/2022/HNST
Ngày: 20/01/2022
V/v "Xin ly hôn"

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN N**

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Mỹ Trinh**

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông **Võ Hoàng Vũ**

2. Bà **Hồ Thị Kim Luyến**

Thư ký phiên tòa: Bà **Võ An Trinh** – Thư ký Tòa án nhân dân quận N.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận N tham gia phiên tòa: Bà **Lê Hoàng Dung** – Kiểm sát viên.

Trong ngày 20 tháng 01 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân quận N xét xử sơ thẩm vụ án thụ lý số: 149/2021/TLST-HN ngày 09 tháng 4 năm 2021 về việc: "Xin ly hôn".

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 841/2021/QĐST-HN ngày 28 tháng 12 năm 2021 của Tòa án nhân dân quận N, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà **Huỳnh Thùy Tr** sinh năm 1978 (Có đơn xin vắng mặt)

Địa chỉ: 53, khu tập thể Phà Hậu Giang, khu vực 5, phường An Kh, quận N, thành phố C.

Địa chỉ liên hệ: Ấp Nhì, xã Thanh Hòa, huyện Phụng H, tỉnh H.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Bà **Tô Thị Mộng V** – Luật sư của Công ty Luật TNHH MTV Nam Cần Thơ – Thuộc Đoàn luật sư thành phố C. (Có đơn xin vắng mặt)

Bị đơn: Ông **Nguyễn Văn Th** sinh năm 1953 (Vắng mặt)

Địa chỉ: 53, khu tập thể Phà Hậu Giang, khu vực 5, phường An Kh, quận N, thành phố C.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn xin ly hôn và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ nguyên đơn trình bày:

Bà và ông Th tự nguyện đi đến hôn nhân, có đăng ký kết hôn ngày 09/01/2010 tại UBND phường An H, quận N, thành phố C. Lúc đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc, tuy nhiên đến tháng 9 năm 2015 vợ chồng có nhiều vấn đề không hợp nhau về lối sống, do bất đồng quan điểm, vợ chồng thường xuyên tranh cãi, không tìm được tiếng nói chung, mâu thuẫn vợ chồng không thể hàn gắn. Nay nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, đời sống chung không hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được. Bà Tr khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết:

- Về quan hệ hôn nhân: Xin ly hôn với ông Nguyễn Văn Th.

- Về con chung: Ông bà có 01 con chung là Nguyễn Huỳnh Phúc Th (nam) sinh ngày 01/7/2010. Cháu Th sống cùng với bà Tr từ nhỏ cho đến nay. Bà Tr yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung, yêu cầu ông Th cấp dưỡng nuôi con đến khi con trưởng thành. Yêu cầu mức cấp dưỡng theo quy định pháp luật.

- Về tài sản chung: Ông bà tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn trình bày bản luận cứ: Về yêu cầu xin ly hôn: Bà Tr và ông Th tự nguyện đi đến hôn nhân, đăng ký kết hôn tại UBND phường An H, quận N. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc, từ tháng 9 năm 2015 đến nay vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn, tình cảm không thể hàn gắn. Bà Tr chuyển về Hậu Giang sinh sống. Bà Tr khởi kiện yêu cầu ly hôn căn cứ quy định khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình. Về yêu cầu nuôi con: Cháu Nguyễn Huỳnh Phúc Th (nam) sinh ngày 01/7/2010. Bà Tr yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung, yêu cầu ông Th cấp dưỡng nuôi con đến khi con trưởng thành. Mức cấp dưỡng mỗi tháng theo quy định pháp luật. Nguyên vọng cháu Th được ở với mẹ. Căn cứ quy định khoản 2 Điều 81, khoản 2 Điều 82 Luật hôn nhân và gia đình. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà Tr. Giao cháu Nguyễn Huỳnh Phúc Th (nam) sinh ngày 01/7/2010 cho bà Tr trực tiếp nuôi dưỡng, ông Th cấp dưỡng nuôi con theo quy định pháp luật đến khi cháu Th tròn 18 tuổi.

Trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn ông Nguyễn Văn Th đã được Tòa án cấp tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng vắng mặt vì vậy Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt đương sự theo quy định pháp luật.

Tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận N phát biểu:

+ Về thủ tục tố tụng: Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử vụ án và Thư ký trong quá trình giải quyết vụ án đúng quy định Bộ luật tố tụng dân sự. Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Nguyên đơn đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của đương sự, tại phiên tòa nguyên đơn, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn có đơn xin vắng mặt. Bị đơn chưa thực hiện đúng, không có mặt theo thông báo, giấy triệu tập của Tòa án, không tham gia phiên tòa.

+ Về nội dung giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Về hôn nhân cho bà Tr được ly hôn với ông Th, về con chung giao cháu Nguyễn Huỳnh Phúc Th (nam) sinh ngày 01/7/2010 cho bà Tr trực tiếp nuôi dưỡng, ông Th cấp dưỡng nuôi con 750.000 đồng/tháng cho đến khi con đủ 18 tuổi. Về tài sản chung, bà Tr yêu cầu tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về nợ chung, bà Tr cho rằng không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét, nếu có tranh chấp sẽ giải quyết trong vụ kiện khác.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng:

- *Về quan hệ pháp luật:* Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu xin ly hôn với bị đơn căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự và Điều 123 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận N.

- *Về sự vắng mặt các đương sự:* Nguyên đơn, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn có đơn xin vắng mặt theo quy định tại khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Trong quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã tiến hành cấp tổng đạt thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hoà giải; giấy triệu tập và quyết định đưa vụ án ra xét xử cho bị đơn tham dự phiên tòa hợp lệ nhưng bị đơn vắng mặt không có lý do nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 và Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Xét về nội dung vụ án:

- *Về quan hệ hôn nhân:* Bà Tr và ông Th xây dựng hôn nhân trên cơ sở tự nguyện và được UBND phường An H, quận N, thành phố C cấp giấy chứng nhận kết hôn ngày 09/01/2010. Thời gian đầu ông bà chung sống hạnh phúc. Tuy nhiên, từ tháng 9 năm 2015 giữa ông bà thường xảy ra mâu thuẫn, bất đồng về quan điểm

sống không thể hòa giải và hàn gắn được. Vì mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng, không khắc phục được cho nên giữa bà Tr và ông Th không có sự quan tâm, chăm sóc lẫn nhau, đã ly thân từ tháng 9 năm 2015 đến nay. Bà Tr và cháu Th chuyển về sống tại ấp Nhì, xã Thạnh Hòa, huyện Phụng H, tỉnh H. Bà Tr nhận thấy tình cảm giữa bà và ông Th không còn, mục đích hôn nhân không đạt được. Trong thời gian chuẩn bị xét xử, Tòa án tiến hành hoà giải nhưng ông Th không có mặt theo thông báo của Tòa án nên không ghi nhận được ý kiến của ông Th đối với quan hệ hôn nhân giữa ông bà. Hồ sơ thể hiện ông Th có đủ điều kiện để biết rõ về nội dung vụ án ly hôn nhưng không tham gia thể hiện ông không quan tâm đến quan hệ hôn nhân này. Hội đồng xét xử xét thấy giữa bà Tr và ông Th mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được nên thống nhất cho bà Tr và ông Th ly hôn theo quy định Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

- *Về con chung*: Ông bà có 01 con chung Nguyễn Huỳnh Phúc Th (nam) sinh ngày 01/7/2010. Bà Tr yêu cầu trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con cho đến khi trưởng thành (đủ 18 tuổi). Xét thấy bà Tr là người trực tiếp nuôi con từ khi sinh ra đến nay hơn nửa cháu Th vẫn còn nhỏ nên cần phải có sự chăm sóc của mẹ để bảo đảm những quyền lợi thiết thực nhất cho con. Ngoài ra, sau khi bà Tr và ông Th ly thân cháu Th sống cùng bà Tr cho đến nay, bà Tr nuôi dưỡng cháu Th bảo đảm sự phát triển bình thường. Vì vậy, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của Tr được trực tiếp nuôi con chung trên cơ sở xem xét quyền lợi về mọi mặt của con, để con phát triển cả về thể chất lẫn tinh thần được quy định tại khoản 2 Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

- *Về vấn đề cấp dưỡng nuôi con chung*: Căn cứ đơn khởi kiện bà Tr yêu cầu ông Th cấp dưỡng nuôi con 2.000.000 đồng/tháng. Tại bản tự khai ngày 03/11/2021, bà Tr thay đổi yêu cầu khởi kiện là yêu cầu ông Th cấp dưỡng nuôi con đến khi con đủ 18 tuổi với mức cấp dưỡng theo quy định pháp luật. Đây là sự tự nguyện của đương sự nên Hội đồng xét xử ghi nhận. Thời hạn cấp dưỡng tính từ ngày bản án có hiệu lực cho đến khi cháu Th đủ 18 tuổi. Xét để đảm bảo điều kiện sống và đảm bảo sức khỏe, sự phát triển tâm lý cho cháu Th. Hội đồng xét xử chấp nhận mức cấp dưỡng nuôi cháu Th theo quy định pháp luật là 750.000 đồng/tháng, nên ông Th phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi cháu Th là 750.000 đồng/tháng theo quy định tại khoản 1 Điều 119 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Con chưa thành niên các bên đều có quyền và nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con. Nên dành quyền đến thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con cho ông Th không ai được quyền ngăn cản. Tuy nhiên, khi người trực tiếp nuôi con không đảm bảo quyền lợi mọi mặt của con chung thì người không trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu thay đổi người nuôi con theo quy định của pháp luật.

- *Về tài sản chung, nợ chung:* Bà Tr trình bày vợ chồng có tài sản chung nhưng các bên tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Bà và ông Th không có nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Ngoài ra, do xét xử vắng mặt ông Th và bà Tr không yêu cầu giải quyết về tài sản chung và nợ chung nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét. Nếu sau này phát sinh tranh chấp sẽ giải quyết thành vụ kiện khác.

Vì vậy, yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và luận cứ của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn là có cơ sở chấp nhận.

[3] Về án phí hôn nhân sơ thẩm:

Nguyên đơn phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm về ly hôn theo quy định, nhưng được khấu trừ vì đã nộp tạm ứng án phí.

[4] Về án phí cấp dưỡng nuôi con: Bị đơn phải chịu án phí cấp dưỡng nuôi con chung theo quy định của pháp luật.

[5] Đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn về ly hôn, nuôi con chung, cấp dưỡng nuôi con. Đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là phù hợp quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng:

- Khoản 1 Điều 28 và điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Khoản 1 Điều 207, khoản 1 Điều 227, Điều 228, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự 2015;

- Điều 51, Điều 56, khoản 2 Điều 81, Điều 82 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Điểm a khoản 5 và điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội về án phí, lệ phí tòa án.

Tuyên xử:

1. *Về quan hệ hôn nhân*: Chấp nhận cho bà Huỳnh Thùy Tr được ly hôn với ông Nguyễn Văn Th.

2. *Về con chung*: Giao cháu Nguyễn Huỳnh Phúc Th (nam) sinh ngày 01/7/2010 cho bà Huỳnh Thùy Tr trực tiếp nuôi dưỡng đến khi trưởng thành (đủ 18 tuổi). Ông Nguyễn Văn Th cấp dưỡng nuôi con 750.000 đồng/tháng. Thời hạn cấp dưỡng nuôi con tính từ ngày bản án có hiệu lực cho đến khi cháu Nguyễn Huỳnh Phúc Th đủ 18 tuổi.

Dành quyền thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con cho ông Nguyễn Văn Th không ai được quyền ngăn cản.

3. *Về tài sản chung, nợ chung*: Không xem xét giải quyết.

4. *Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm*: Bà Huỳnh Thùy Tr phải chịu 300.000 đồng (*Ba trăm ngàn đồng*), chuyển số tiền tạm ứng án phí đã nộp tại phiếu thu số 003782 ngày 19/3/2021 do Chi cục Thi hành án dân sự quận N đã thu sang thành án phí.

5. *Về án phí cấp dưỡng nuôi con*: Ông Nguyễn Văn Th phải nộp 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*).

Đương sự có mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt thời hạn kháng cáo 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định pháp luật.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- TAND thành phố C;
- VKSND quận N;
- Chi cục THADS quận N;
- Lưu HS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Mỹ Trinh

